

Số: 5347999

|                                            | Kia New Sonet 1.5 Deluxe | Mazda2 1.5L AT (Xe tập lái, có DAT)                                                    |
|--------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>489.000.000đ</b>      | <b>399.000.000đ</b>                                                                    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                          |                                                                                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4120 x 1790 x 1642       | 4355 x 1695 x 1470                                                                     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2500                     | 2570                                                                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                     | 5000                                                                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 205                      | 140                                                                                    |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1095                     | 1109                                                                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1580                     | 1528                                                                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 392                      | 440                                                                                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                       | 44                                                                                     |
| Số chỗ ngồi                                | 5                        | 5                                                                                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước         | Nhập Khẩu                                                                              |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                          |                                                                                        |
| Loại động cơ                               | Smartstream 1.5G         | Skyactiv-G 1.5L                                                                        |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1497                     | 1496                                                                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 113 Hp / 6300 rpm        | 110 / 6000                                                                             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 Nm / 4500 rpm        | 144 / 4000                                                                             |
| Hộp số                                     | CVT                      | 6AT                                                                                    |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)          | Cầu trước (FWD)                                                                        |
| Hệ thống treo trước                        | MacPherson               | Độc lập McPherson                                                                      |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn               | Thanh xoắn                                                                             |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                      | Đĩa                                                                                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Tang trống               | Đĩa                                                                                    |
| Thông số lốp xe                            | 215/60 R16               | 185/65 R15                                                                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.67                     | 7.91                                                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.55                     | 5.07                                                                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.97                     | 6.11                                                                                   |
| Chế độ lái                                 | -                        | Normal/Sport                                                                           |
| Chế độ địa hình                            | -                        | -                                                                                      |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                          |                                                                                        |
| Cụm đèn trước                              | Halogen                  | LED                                                                                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                        | -                                                                                      |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                        | Halogen                                                                                |
| Cụm đèn sau                                | LED                      | Halogen                                                                                |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                        | Chỉnh điện                                                                             |
| Gạt mưa tự động                            | -                        | -                                                                                      |
| Cửa sổ trời                                | -                        | -                                                                                      |
| Trang bị khác                              | Baga mui                 | Bổ sung 2 biển “XE TẬP LÁI” phía trước & phía sau (theo quy định tiêu chuẩn hiện hành) |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                          |                                                                                        |
| Vô lăng bọc da                             | Urethane                 | -                                                                                      |
| Chất liệu ghế                              | Da                       | Nỉ                                                                                     |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                        | ●                                                                                      |

|                                    |          |                  |
|------------------------------------|----------|------------------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●        | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●        | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 4.2"     | Analog + Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 8"       | -                |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●        | -                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | Chỉnh cơ | Chỉnh cơ         |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●        | -                |
| Khởi động nút bấm                  | ●        | ●                |
| Khởi động từ xa                    | ●        | -                |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa    | 4 loa            |

**AN TOÀN:**

|                                         |     |   |
|-----------------------------------------|-----|---|
| Số túi khí                              | 2   | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●   | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●   | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●   | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●   | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau | - |
| Camera lùi                              | ●   | - |